

Số: 416 /TTr - PCTN
V/v triển khai thực hiện kê
khai, công khai tài sản, thu
nhập năm 2023.

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Bình Dương;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (viết tắt là Luật PCTN năm 2018), Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị và Văn bản số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm soát tài sản, thu nhập; Thanh tra tỉnh hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 như sau:

1. Đối tượng kê khai thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra tỉnh

Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 34 Luật PCTN năm 2018 công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Chính quyền địa phương, trừ các trường hợp người kê khai thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, thị ủy quản lý và những người công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Chính trị xã hội của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố¹.

2. Các phương thức kê khai tài sản, thu nhập

2.1. Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu

Việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 36 của Luật PCTN năm 2018, theo đó thuộc trường hợp người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN năm 2018². Việc kê khai phải hoàn thành **chậm nhất là 10 ngày** kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

¹ Căn cứ Điều 3 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập do Bộ Chính trị ban hành tại Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022; Công văn số 538-CV/TU ngày 21/12/2021 của Tỉnh ủy và Công văn số 282-CV/VPTU ngày 22/03/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy.

² Gồm những người lần đầu giữ vị trí công tác là: Cán bộ, công chức; Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.



2.2. kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ

Cán bộ, công chức, người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác, theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Luật PCTN năm 2018.

Trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập để phục vụ công tác cán bộ mà người đó chưa kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và sử dụng Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu để phục vụ công tác cán bộ lần đó.

Thời gian thực hiện kê khai phải hoàn thành **chậm nhất là 10 ngày** trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

2.3. kê khai tài sản, thu nhập hằng năm

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật PCTN năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ³.

2.4. kê khai tài sản, thu nhập bổ sung

Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai nhưng không thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị **từ 300.000.000 đồng trở lên** theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật PCTN năm 2018.

3. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập hằng năm và bổ sung năm 2023

- Xác định đối tượng thuộc diện phải kê khai: Thủ trưởng các đơn vị lập, phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai (*ghi rõ cơ quan kiểm soát Bản kê khai tài sản, thu nhập và phương thức kê khai hằng năm hoặc bổ sung đối với từng đối tượng*) gửi về Thanh tra tỉnh **trước ngày 10/12/2023**.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai và hướng dẫn các đối tượng kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

- Thời gian thực hiện kê khai **phải** hoàn thành **trước ngày 31/12/2023**.

- Thực hiện việc kê khai tài sản thu nhập: Người có nghĩa vụ kê khai **lập 02 Bản kê khai** (theo Mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ).

³ Gồm các đối tượng:

- Công chức giữ một trong các ngạch: Chấp hành viên, Điều tra viên, Kế toán viên, Kiểm lâm viên, Kiểm sát viên, Kiểm soát viên ngân hàng, Kiểm soát viên thị trường, Kiểm toán viên, Kiểm tra viên của Đảng, Kiểm tra viên hải quan, Kiểm tra viên thuế, Thanh tra viên, Thẩm phán.

- Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên công tác trong các lĩnh vực quy định tại Phụ lục III Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

4. Tiếp nhận, quản lý và bàn giao Bản kê khai tài sản, thu nhập:

+ Người có nghĩa vụ kê khai nộp Bản kê khai tài sản, thu nhập của mình cho **đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ**⁴ của cơ quan nơi mình công tác⁵.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai. Trong trường hợp Bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì đơn vị yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai chỉnh sửa, bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được Bản kê khai tài sản, thu nhập, **đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ** rà soát, kiểm tra Bản kê khai và bàn giao 01 Bản kê khai cho Thanh tra tỉnh (*trường hợp thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra tỉnh*).

+ Các Bản kê khai khi bàn giao cho Thanh tra tỉnh phải được lập danh sách, mục lục ghi rõ tên người kê khai, phương thức kê khai, số tờ của Bản kê khai và ngày lập danh sách. Việc bàn giao phải được ký xác nhận vào sổ theo dõi kê khai, giao nhận Bản kê khai của Thanh tra tỉnh và đơn vị bàn giao. Thời gian nộp, bàn giao Bản kê khai tài sản, thu nhập về Thanh tra tỉnh **trước ngày 28/01/2024**.

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị thường xuyên rà soát và bàn giao cho Thanh tra tỉnh Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu hoặc Bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ phát sinh trong năm tại cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định.

5. Công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Bản kê khai phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nộp Bản kê khai về Thanh tra tỉnh.

- Hình thức và quy trình công khai Bản kê khai được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

6. Báo cáo kết quả thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập và gửi về Thanh tra tỉnh **trước ngày 06/02/2024** (*theo Đề cương báo cáo đính kèm*) để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định.

7. Một số lưu ý hạn chế, sai sót khi thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai tài sản, thu nhập là trách nhiệm và nghĩa vụ của người kê khai. Do đó, khi thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập phải đảm bảo tính nghiêm túc, đầy đủ và trung thực về nội dung kê khai đối với tài sản, thu nhập của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên của người kê khai theo quy định pháp luật.

⁴ Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị chủ quản có trách nhiệm thực hiện việc bàn giao bản kê khai tài sản thu nhập cho Thanh tra tỉnh.

⁵ Khoản 1 Điều 4 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành tại Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

Khi kê khai, các đơn vị và người kê khai lưu ý cần tuân thủ nghiêm túc **đúng về cả hình thức và nội dung** theo hướng dẫn thực hiện kê khai quy định tại Phần B Phụ lục I và Phần B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; đồng thời lưu ý một số hạn chế, thiếu sót khi thực hiện kê khai tài sản, thu nhập, theo **Phụ lục hướng dẫn kèm theo**.

Trên đây là hướng dẫn triển khai thực hiện việc kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến phản ánh về Thanh tra tỉnh để được hướng dẫn./.

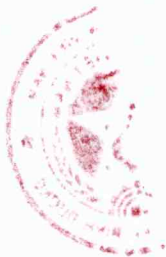
Nơi nhận: 

- Như trên;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- UBKT TU;
- Lưu: VT, PCTN.

CHÁNH THANH TRA



Bùi Duy Hiền



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Công văn số: 416 /TTr- PCTN ngày 10 / 11 /2023 của Thanh tra tỉnh)

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:...../.....

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2023.

1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập;
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Kết quả thực hiện

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
I	Kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2023		
1	Số Bản kê khai tài sản, thu nhập thuộc cấp ủy quản lý	Bản KK	
	- Kê khai hằng năm:	Bản KK	
	- Kê khai bổ sung:	Bản KK	
	- Kê khai lần đầu (theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật PCTN 2018):	Bản KK	
	- Kê khai phục vụ công tác cán bộ (theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 36 Luật PCTN 2018)	Bản KK	
2	Số Bản kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh:	Bản KK	
	- Kê khai hằng năm:	Bản KK	



	- Kê khai bổ sung:	Bản KK		
	- Kê khai lần đầu (theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật PCTN 2018):	Bản KK		
	- Kê khai phục vụ công tác cán bộ (theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 36 Luật PCTN 2018)	Bản KK		
3	Số Bản kê khai tài sản, thu nhập đã bàn giao cho Thanh tra tỉnh:	Bản KK		
	- Kê khai hằng năm:	Bản KK		
	- Kê khai bổ sung:	Bản KK		
	- Kê khai lần đầu (theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật PCTN 2018):	Bản KK		
	- Kê khai phục vụ công tác cán bộ (theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 36 Luật PCTN 2018)	Bản KK		
II	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập			
1	Tổng số Bản kê khai đã được công khai	Bản KK		
	Tỷ lệ% so với tổng số Bản kê khai	%		
1.1	Số Bản kê khai đã được công khai do cấp ủy quản lý	Bản KK		
1.2	Số Bản kê khai đã được công khai do Thanh tra tỉnh kiểm soát	Bản KK		
2	Số Bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản KK		
	Tỷ lệ% so với tổng số Bản kê khai	%		
2.1	Số Bản kê khai đã được công khai theo hình thức niêm yết do cấp ủy quản lý	Bản KK		
2.2	Số Bản kê khai đã được công khai theo hình thức niêm yết do Thanh tra tỉnh kiểm soát	Bản KK		

3	Số Bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản KK	
	Tỷ lệ ...% so với Bản kê khai đã công khai	%	
3.1	Số Bản kê khai đã được công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp do cấp ủy quản lý	Bản KK	
3.2	Số Bản kê khai đã được công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp do Thanh tra tỉnh kiểm soát	Bản KK	

- Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.
- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.
- Các kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị



PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Kèm theo Công văn số: 416/TTr-PCTN ngày 10/11/2023 của Thanh tra tỉnh)

Mục kê khai	Hướng dẫn và lưu ý nội dung kê khai
Yêu cầu về hình thức	Không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định theo mẫu Bản kê khai; Người kê khai ký từng trang và ký ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng; Người tiếp nhận Bản kê khai kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai, sau đó ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/ chức danh, ngày tháng năm tiếp nhận Bản kê khai
(Tiêu đề) BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP...	Ghi rõ tên, phương thức của Bản kê khai như sau: - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Ngày ... tháng ... năm ...)	Ghi đúng, chính xác ngày hoàn thành bản kê khai tại trang đầu và trang cuối nơi ký tên người kê khai. Bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm và bổ sung phải thực hiện xong trước ngày 31/12 hằng năm.
I. THÔNG TIN CHUNG	Ghi đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định Phụ lục.
II. THÔNG TIN MÔ TẢ TÀI SẢN	Kê khai đầy đủ, rõ ràng thông tin tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, vợ/chồng của người kê khai và con chưa thành niên.
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	- Quyền sử dụng thực tế đối với đất: là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kê khai đầy đủ thông tin. - Mục “Thông tin khác”: ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (Ví dụ: như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,... Ghi rõ giá trị gốc tại thời điểm có tài sản.

	Giá trị gốc: là giá tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: + Tài sản có được do mua, chuyển nhượng: Ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có). + Tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo: Ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản. + Trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế: thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; + Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.
1.1. Đất ở	- Kê khai đầy đủ các thông tin. - Trường hợp thửa đất có nhiều loại đất và trong số đó có đất ở thì kê khai thửa đất đó vào mục “Đất ở”, trong phần diện tích ghi rõ tổng diện tích, diện tích mỗi loại đất; không kê khai lại vào mục đất khác.
1.2. Các loại đất khác	Kê khai tương tự đất ở
2.1. Nhà ở	- Kê khai đầy đủ các thông tin. - Về diện tích: + Nhà ở riêng lẻ, biệt thự: Ghi rõ tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng. + Căn hộ: Ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của Nhà nước.
2.2. Công trình xây dựng khác	Kê khai những loại công trình xây dựng khác không phải là nhà ở như: nhà trọ, kios, công trình điện mặt trời, nhà nuôi chim yến,...
3.1. Cây lâu năm	- Kê khai những loại cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm mà mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, gồm các loại: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm... - Không kê khai loại cây thuộc rừng sản xuất.

3.2. Rừng sản xuất	Kê khai rừng sản xuất là rừng trồng bằng vốn tự đầu tư.
3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất	
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Kê khai tất cả các kim loại quý đang sở hữu, mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. <i>Ví dụ: Có 12 chiếc nhẫn vàng, giá trị mỗi chiếc khoảng 07 triệu thì tổng giá trị sẽ là trên 50 triệu nên phải kê khai.</i>
5. Tiền (Cần chú ý vì qua xác minh tài sản, thu nhập sai rất nhiều)	Kê khai tất cả các khoản tiền theo mệnh giá VNĐ tại thời điểm kê khai mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: - Tiền mặt - Tiền cho vay, tiền trả trước. - Tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước tại VN, gồm: + Tiền gửi tại Ngân hàng (tài khoản thanh toán và các sổ tiết kiệm). + Tiền ký quỹ, ký gửi tại các tổ chức khác (nếu có). <i>Ví dụ: Tại mốc kê khai 10/12/2022, ông A có 20 triệu đồng trong thẻ ATM, 05 triệu đồng tiền mặt, tiền cho bà B vay 05 triệu đồng, 01 sổ tiết kiệm giá trị 20 triệu đồng. Như vậy, tổng giá trị tiền ông A đang có là 50 triệu đồng nên phải kê khai tất cả các khoản tiền trên.</i> Đối với những loại tiền ngoại tệ cần phải ghi rõ số lượng và giá trị quy đổi sang mệnh giá VNĐ tại thời điểm kê khai.
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá trị khác	- Kê khai theo quy định của Phụ lục. - Giấy tờ có giá trị khác: chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc v.v - Vốn góp: Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh (nội dung đầu tư) cả trực tiếp (trực tiếp tham gia vào quá trình đầu tư) và gián tiếp (gián tiếp qua một cá nhân, tổ chức khác trực tiếp đầu tư). <i>Ví dụ: Người kê khai A cùng với ông B và C góp vốn kinh doanh 10 máy bán nước tự động có tổng giá trị là 01 tỷ đồng, trong đó ông A góp 400 triệu đồng. Như vậy ông A kê khai như sau:</i>



	6.3. <i>Vốn góp:</i> - <i>Hình thức góp vốn: Góp vốn trực tiếp đầu tư kinh doanh 10 máy bán nước tự động. Giá trị góp vốn: 400 triệu đồng (tổng giá trị đầu tư là 01 tỷ đồng).</i>
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)	- <i>Kê khai theo quy định của Phụ lục.</i> - <i>Kê khai theo mỗi loại tài sản mà tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</i> <i>Ví dụ: Ông A có 02 chiếc xe gắn máy: xe Honda Lead giá trị 35 triệu đồng và xe Honda Future giá trị 25 triệu đồng. Do tổng giá trị loại xe gắn máy do ông A sở hữu là 60 triệu đồng nên phải kê khai như sau:</i> - <i>Tên tài sản: xe gắn máy Honda Lead. Biển kiểm soát: 61B1-01234. Giá trị: 35 triệu đồng.</i> - <i>Tên tài sản: xe gắn máy Honda Future. Biển kiểm soát: 53H4-56789. Giá trị: 25 triệu đồng.</i>
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, ...)	Nguyên tắc kê khai tương tự như trên.
8. Tài sản ở nước ngoài	Kê khai theo quy định của Phụ lục
9. Tài khoản ở nước ngoài	Kê khai theo quy định của Phụ lục
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (tại mục 10 phần II Bản kê khai)	- Trong bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu không kê khai mục này. - Lưu ý xác định đúng mốc thời gian giữa hai kỳ kê khai (qua rà soát, một số trường hợp thường xác định sai mốc thời gian trong trường hợp trong năm có thực hiện Bản KKTSTN phục vụ công tác cán bộ). - Thu nhập gồm các khoản như: Lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng... - Kê khai riêng tổng thu nhập theo 04 nội dung: + Tổng thu nhập của người kê khai: Ghi tổng thu nhập của người kê khai trong kỳ kê khai. + Tổng thu nhập của vợ/chồng người kê khai: Tương tự như trên. + Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Tương tự như trên (nếu có).

	+ Tổng các khoản thu nhập chung: Phần này không phải là tổng của 03 thu nhập trên, mà thể hiện các khoản thu nhập phát sinh trong kỳ kê khai nhưng không thể tách riêng thành thu nhập của cá nhân nào. <i>Ví dụ: Ông A và vợ cùng kinh doanh chung 01 cửa tiệm tạp hóa, trong năm thu nhập phát sinh từ cửa tiệm tạp hóa này là 200 triệu đồng, khoản thu nhập này được xem là khoản thu nhập chung; do đó kê khai vào mục Tổng các khoản thu nhập chung.</i>
III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM	- Thể hiện đúng thể thức quy định trong Phụ lục - Trường hợp không có biến động về tài sản thì ghi rõ ngay “Không có biến động” ngay sau tên mục III. - Tại cột Tăng/giảm: + Cột số lượng tài sản: Thêm dấu (+) nếu tài sản tăng kèm theo số lượng tài sản; thêm dấu (-) nếu tài sản giảm kèm theo số lượng tài sản (<i>Trừ mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai</i>). + Cột giá trị tài sản: ghi giá trị gốc của tài sản (trường hợp bán tài sản, ghi giá trị tài sản gốc ban đầu sở hữu tài sản đó, không ghi giá trị bán được tại thời điểm kê khai). - Tại cột Nội dung giải trình: Giải thích rõ ràng, chi tiết nguồn gốc, lý do tăng, giảm tài sản. - Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai tại Mục số 9, Phần III phải khớp với số liệu của Tổng thu nhập nêu tại Mục số 10 Phần II; Cột nội dung giải trình: Thể hiện chi tiết giá trị từng khoản thu nhập trong kỳ kê khai (<i>Lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác</i>).